

Bản án số: 72/2025/HS-ST

Ngày : 26/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Hoàng Ngọc Hà

2. Bà Trần Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Như Quỳnh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 (Cơ sở A) - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

NGUYỄN TIẾN GIANG S, sinh ngày 01 tháng 3 năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: Căn hộ X2-32.08A chung cư S, số B N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Căn hộ X2-32.08A chung cư S, số B N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Tiến Q và bà: Vũ Thị A; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Bị hại: Không xác định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 21/12/2002, Nguyễn Tiến Giang S đang ngồi uống cà phê tại quán B, cư xá B thì bạn của S là Đinh Công M, Trần Quỳnh A1 K cùng D, Q (Không rõ lai lịch) chạy xe gắn máy tới rủ S đi chơi. S đồng ý. M điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Dream biển số 51U8-0850, D điều khiển xe gắn máy hiệu Wave chở K và Q chạy theo phía sau.

Đến khoảng 01 giờ ngày 22/12/2002, khi đến số C L, Phường A, quận T (Nay là số C L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), M chỉ cho S thấy có 02 người phụ nữ

điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Wave màu đỏ (Không rõ biển số) chạy phía trước cùng chiều, người phụ nữ ngồi phía sau có ôm một túi xách màu đỏ trước bụng và rủ S cướp giật túi xách. S đồng ý. M liền điều khiển xe gắn máy chạy áp sát phía bên trái xe của hai người phụ nữ để S ngồi phía sau giật túi xách. Tuy nhiên, chân phải của S va chạm vào chân trái của người phụ nữ ngồi phía sau nên S phải nghiêng người và dùng tay phải giật lấy túi xách. Người phụ nữ giữ lại chiếc túi xách làm S không giật được. Sau đó, S thấy có anh Nguyễn Ngọc T (Người đi đường nhìn thấy hành vi của S và M) điều khiển xe máy đuổi theo. M tăng ga xe bỏ chạy đến khu vực cầu S kênh N (Nay là Cầu S đường H) thì tông vào trụ bê tông té ngã xuống đường, A T và người dân bắt giữ được M còn S bỏ chạy bộ trốn thoát. Đối với K, Q và D thấy M bị bắt thì lao vào can ngăn; người dân bắt giữ được K còn D và Q bỏ chạy thoát.

Cơ quan điều tra Công an quận T đã ban hành Quyết định truy nã số 59 ngày 15/7/2003 đối với Nguyễn Tiến Giang S. Ngày 16/7/2003, Cơ quan điều tra ban hành quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can, khi nào bắt được sẽ xử lý sau. Đối với D và Q không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để khởi tố điều tra.

Về phía bị hại, sau khi bị cướp giật đã bỏ đi mất, không trình báo cơ quan công an nên không xác định được họ tên cụ thể cũng như tài sản bị chiếm đoạt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã đăng báo tìm người bị hại nhưng không có ai đến liên hệ làm việc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 1257/2005/HSST ngày 30/8/2005, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Đinh Công M 02 năm tù và Trần Quỳnh A1 Khoa 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Ngày 16/5/2021, Nguyễn Tiến Giang S đã đến Công an P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) đầu thú và thừa nhận hành vi đã cùng với Đinh Công M cướp giật túi xách màu đỏ của người phụ nữ vào rạng sáng ngày 22/12/2002, M là người điều khiển xe chở S ngồi sau giật tài sản nhưng không giật được do người phụ nữ giữ chặt chiếc túi xách. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu, S không nhớ trong lúc chở S đi trên đường thì M hay S là người chủ động rủ cướp giật, M không biết K và Q, D chạy xe phía sau có nhiệm vụ gì. Khi M và S té ngã xuống đường thì S bỏ chạy bộ trốn thoát.

Lời khai của S là phù hợp với lời khai của Đinh Công M và các chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án. Riêng Trần Quỳnh Anh K đã chết năm 2017, anh Nguyễn Ngọc T (nhân chứng) đã chết ngày 28/8/2006.

Tại bản cáo trạng số 49/CT-VKS-KV4 ngày 12 tháng 8 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến Giang S về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh nêu tóm tắt nội dung vụ án, các nguyên nhân điều kiện phát sinh tội

phạm, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nêu các tình tiết giảm nhẹ và đề nghị Hội đồng xét xử *xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ*. Về vật chứng đã được xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số 1257/2005/HSST ngày 30/8/2005 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên không đề nghị xem xét.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, không có tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Nguyễn Tiến Giang S, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận T, Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh được phân công điều tra giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Bị cáo, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận ngày 22/12/2002, Đinh Công M (Đã bị xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số 1257/2005/HSST ngày 30/8/2005 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) đã có hành vi điều khiển xe gắn máy chở bị cáo Nguyễn Tiến Giang S ngồi phía sau rồi áp sát để bị cáo S công khai giật chiếc túi xách của bị hại, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do khi bị cáo chạm tay vào chiếc túi xách thì bị hại giữ chặt lại khiến bị cáo S không giật được chiếc túi xách, hành vi phạm tội của bị cáo được xác định là “Phạm tội chưa đạt”, là tình tiết để xem xét khi lượng hình đối với bị cáo quy định tại Điều 57, Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất táo bạo, liều lĩnh ngang nhiên chiếm đoạt tài sản của người khác ngay trên đường phố và dùng thủ đoạn nguy hiểm là xe gắn máy phân khối lớn, là nguồn nguy hiểm cao độ làm phương tiện phạm tội, tiềm ẩn nguy cơ dễ gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của bị hại và những người đang lưu thông trên đường. Xét về tính chất vụ án là nghiêm trọng, bị cáo biết hành vi cướp

giật tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm, chứng tỏ bị cáo có thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm mục đích cải tạo, giáo dục bị cáo sống lương thiện, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Hội đồng xét xử xem xét tình tiết: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, khi phạm tội bị cáo dưới 16 tuổi, phạm tội nhưng chưa gây ra thiệt hại, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 57, Điều 90, Điều 91, Điều 100 và Điều 102 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 118; Điều 119; Điều 120; Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, vào thời điểm phạm tội bị cáo mới 15 tuổi 09 tháng nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định, thời gian bị cáo tại ngoại không vi phạm pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình, chính quyền địa phương giúp bị cáo tiếp tục được lao động lương thiện, phụ giúp gia đình, đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, cố gắng cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội.

Do thu nhập của bị cáo thấp, hiện đang phụ giúp gia đình tiền thuốc men cho cha chữa bệnh và khi phạm tội bị cáo dưới 16 tuổi nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 1257/2005/HSST ngày 30/8/2005 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999; Căn cứ Điều 7; Điều 15; Điều 17; Điều 36; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 57; Điều 90; Điều 91; Điều 100; Điều 102 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 118; Điều 119; Điều 120; Điều 179 của Luật tư pháp người chưa thành niên năm 2024;

Xử phạt bị cáo: N (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cướp giật tài sản”.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo Nguyễn Tiến Giang S”.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc giám sát giáo dục.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

[2] Căn cứ Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Cơ quan CSĐT CA.TPHCM;
- VKSND KV4-TP.HCM;
- Phòng THADS KV4-TP.HCM;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Thiện